

Số 190/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 06 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 642/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1967;

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: số 83/5 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng tạm trú: số 39 hẻm 86, đường số D, khu phố Đ, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị G được xác lập vào năm 1991, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa ông L và bà G phát sinh nhiều mâu thuẫn, đồng thời cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Xét thấy, tình cảm giữa ông L và bà G đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự

nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[3] Về con chung: ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị G có 03 (ba) con chung; họ và tên: Nguyễn Thanh S, sinh ngày 19/10/1992 (đã thành niên); Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 23/9/2006 và Nguyễn Ngọc Phương Q, sinh ngày 23/9/2006. Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung chưa thành niên là Nguyễn Ngọc Phương T và Nguyễn Ngọc Phương Q; bà G tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên.

Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên chấp nhận.

Ông L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Ông L và bà G xác nhận không có tài sản chung

[5] Về nợ chung: Ông L và bà G xác nhận không có nợ chung.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị G thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 174, quyển số: KHQH, được Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/7/1991).

1.2. Về con chung: ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị G có 03 (ba) con chung, họ và tên: Nguyễn Thanh S, sinh ngày 19/10/1992 (đã thành niên); Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 23/9/2006 và Nguyễn Ngọc Phương Q, sinh ngày 23/9/2006. Giao cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung chưa thành niên là Nguyễn Ngọc Phương T và Nguyễn Ngọc Phương Q; bà G tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi hai con chung chưa thành niên.

Ông L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông L và bà G chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0041721 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L và bà G đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong